1975-1985: Chiến Dịch X1, X2, X3 và Thập Niên Bị Lãng Quên

Bình An

Một gia đình Hoa kiều ở Chợ Lớn có hãng dệt khoảng 200 công nhân. Tháng 6/1975, họ được "mời hợp tác công tư". Cán bộ nói: "*Anh vẫn làm giám đốc kỹ thuật*". Ba tháng sau, chủ hãng bị gọi đi "học tập 10 ngày". Sáu tháng sau, nhà máy dừng, máy móc dỉ, công nhân nghỉ. Gia đình bán vàng sống qua ngày. Đây không phải câu chuyện ngoại lệ. Đây là mô hình lặp lại hàng nghìn lần ở miền Nam từ 1975 đến giữa thập niên 1980s.

Hiểu lầm phổ biến

Nhiều người trẻ Việt Nam hiện nay nghĩ rằng người Việt hải ngoại là những người "*chạy trốn ngay sau khi thua trận năm 1975*". Sự thật khác hẳn. Làn sóng di cư lớn nhất không diễn ra năm 1975. Nó tập trung trong giai đoạn 1978-1982, cao trào của phong trào thuyền nhân, và kéo dài đến đầu-giữa thập niên 1990. Phần đông những người ra đi không phải sĩ quan cao cấp hay người "chạy theo Mỹ". Họ là tiểu thương, trí thức, gia đình có lý lịch "xấu", người Hoa, và những người bị bít đường sống.

Ban đầu, nhiều người tin vào lời hứa "hòa hợp - hòa giải". Họ tin làm ăn giỏi sẽ được dùng, trí thức sẽ được trọng dụng. Họ chờ đợi. Nhưng sau các đợt X2, X3, đổi tiền và kinh tế mới, hy vọng tan biến. ***Ra đi là quyết định tuyệt vọng về sinh tồn***. Họ bán hết tài sản, đưa cả gia đình kể cả trẻ em, đi bằng ghe gỗ hoặc tàu đánh cá. Không ai mang cờ, mang tổ chức, mang kế hoạch chính trị. Ghe gỗ 10-20 mét chở 50-100 người. Không hải đồ, không liên lạc, không cứu hộ. Hải tặc Thái Lan cướp vàng, hãm hiếp phụ nữ, giết người và đẩy nạn nhân xuống biển. Nhiều người chết vì khát, bão, chìm tàu. ***Ước tính từ 200,000 đến 400,000 người mất mạng***. Con số chính xác không bao giờ được biết.

Các chiến dịch X1, X2, X3

Sau 1975, dân gian gọi là X1, X2, X3 - không phải tên chính thức, mà là cách chỉ các đợt cải tạo kinh tế theo từng làn sóng. Bản chất: ***siết, vắt, gom tài sản theo nhiều lớp***.

- X1 từ 1975-1976 nhắm vào tư sản lớn. Công an và tổ tiếp quản đến nhà "mời làm việc" không giấy tờ. Kiểm kê tài sản - nhà, kho, máy móc, tiền mặt, vàng - không có chuẩn định giá, không quyền phản biện, không luật sư, không tòa. Nhà nước ghi bao nhiêu là bấy nhiêu.
  "Công tư hợp doanh" nghe có vẻ công bằng. Thực tế: nhà nước nắm 51-100%, chủ cũ không có quyền quyết định gì, lương trả theo cán bộ thấp. Huy Đức viết trong "Bên Thắng Cuộc": "*Công tư hợp doanh là cách tước đoạt không cần tuyên bố tịch thu.*" Một hiệu thuốc lớn gần bệnh viện Sài Gòn có kho thuốc nhập từ Pháp, Mỹ. Tổ tiếp quản "kiểm kê", giá "theo nhà nước" thấp hơn thị trường 5-10 lần. Kết cục: kho thuốc về y tế nhà nước, tiệm thành "cửa hàng quốc doanh", chủ làm thủ kho với lương tem phiếu. Gia đình vượt biên 1978. Hai người chết trên biển.

- X2 từ 1977-1978 mở rộng sang tư sản vừa, tiểu thương. Không còn dùng "hợp doanh" mà dùng thuế-giấy phép-kiểm tra. Rút hoặc không cấp giấy phép. Áp thuế khoán phi lý. Thanh tra liên tục. Phạt "đầu

cơ, găm hàng". Không cần tịch thu. Kinh doanh tự chết.
Truy xét "nguồn gốc tài sản": "Tiền đâu ra?" Không chứng minh được thì bất hợp pháp. Nhưng chuẩn mực chứng minh không tồn tại. "Tự nguyện hiến tài sản" để "giảm nhẹ" - gắn với xin giấy phép, xin cho con học, xin không đi kinh tế mới. X2 gắn chặt với hộ khẩu-lương thực. Cắt tem phiếu nếu "không chấp hành". Không hộ khẩu thì không gạo. Không gạo thì không sống. Kinh tế bị khóa bằng đường sinh tồn.
Gia đình buôn vải ở chợ Tân Định làm ăn mấy chục năm. X2 đến, thuế tăng gấp nhiều lần, kiểm tra hàng tuần, cáo buộc "đầu cơ". Kết cục: đóng sạp, bán vải tồn. Con trai vượt biên 1978, chết trên biển.

- X3 từ 1978-1979 là tận thu. Nhắm vào tiểu thương, người có của, đặc biệt người Hoa. Không phân biệt lớn-nhỏ. Có là bị đánh. Đánh trực diện người Hoa: gắn nhãn "tư sản mại bản", "thân Trung Quốc". Ép đăng ký quốc tịch. Hạn chế cư trú-buôn bán. Đóng chợ Hoa. Kinh tế Chợ Lớn tê liệt trong vài tháng.
Tịch thu vàng-ngoại tệ: buộc kê khai. Không kê khai là tội hình sự. Kê khai thì "vận động nộp". Vàng không còn là tài sản. Nó là bằng chứng phạm tội.
Đổi tiền 1978: giới hạn đổi, không giải trình thì mất. Gia đình giữ tiền mặt trắng tay sau một đêm.
Đẩy mạnh kinh tế mới: ép đi rừng núi đất hoang, không đi thì cắt gạo. Mở cửa cho vượt biên: thu tiền "bán bãi", làm ngơ cho ghe tàu rời đi, thậm chí tổ chức đi bán chính thức. Vừa thu tiền, vừa loại người.
Tiệm thuốc Bắc của ông Lâm Quang Minh ở đường Hải Thượng Lãn Ông, Chợ Lớn. Gia đình 3 đời buôn thuốc. Sau 1975 bị xếp "tư sản Hoa kiều", kiểm kê liên tục, ép "hợp tác hóa". Con trai không được học tiếp. Năm 1978, gia đình bán vàng mua chỗ vượt biên.
X3 là thanh lọc xã hội bằng kinh tế. Không còn giả vờ hợp tác. Không còn luật lệ che đậy. Không còn ranh giới đối tượng.

- X4 từ 1979-1981 đẩy dân đô thị ra khỏi không gian sống. Cắt tem phiếu, ép đi kinh tế mới. Không đi thì không gạo. Hàng nghìn gia đình bị buộc rời Sài Gòn về vùng đất hoang không hạ tầng, không y tế, không học hành cho con.

- X5 từ 1981-1984 truy quét chợ trời, bắt buôn lậu, phạt "đầu cơ". Phụ nữ buôn đường-vải lẻ để nuôi con bị tịch thu sạch hàng, phạt gấp nhiều lần vốn, bán nữ trang đóng phạt, tái nghèo. Buôn bán để sống cũng thành tội.

- X6 năm 1985 đổi tiền xóa tích lũy. Gia đình công nhân tích cóp tiền cưới con, đổi được rất ít, phần còn lại mất, cưới hủy. Niềm tin vào tiền tệ chết.

- X7 từ 1986 đến đầu 90s, sau Đổi Mới, cho làm ăn để khỏi đói nhưng không trả quyền sở hữu trọn vẹn. Giấy phép là sinh mệnh. Đất là quyền sử dụng. Lớn lên là bị "sờ gáy". Xưởng gỗ tư nhân phát đạt, mở rộng, bị thanh tra liên tục, buộc "liên doanh", chủ rút lui. Doanh nhân học bài: đừng lớn quá.

Điểm chung: ***không cần chiến dịch công khai, không cần tuyên bố giai cấp. Đánh bằng lương thực, tiền tệ, hộ khẩu, giấy phép. Xóa tích lũy. Xóa ký ức làm chủ***.

Tác động lên người

Doanh nhân và chủ sản xuất mất vai trò xã hội ngay lập tức. Không phải chỉ mất tài sản, mà mất tư cách xã hội, mất quyền tự quyết đời sống, mất con đường sinh tồn hợp pháp. Kinh tế mới không phải phát triển. Nó là lưu đày - đất hoang, không hạ tầng, không thuốc men. Về trải nghiệm, rất gần "cải tạo không song sắt".

Thanh niên nam VNCH là thế hệ bị "treo" khỏi xã hội. ***Gọi "10 ngày" thành 5-10 năm ở trại phía Bắc***. Ước tính khoảng 1 triệu người qua các trại cải tạo. Hệ quả: gia đình ly tán, phụ nữ chờ không nổi phải lấy người khác để sống, con cái có lý lịch xấu mất cơ hội học. Đây không chỉ trừng phạt cá nhân, mà đánh gãy một lớp nam giới trụ cột.

Trí thức miền Nam có lẽ thiệt thòi lâu dài nhất. Giáo sư, bác sĩ, kỹ sư, luật sư, công chức cao cấp - dù không dính chính trị vẫn bị quy "ngụy quyền". Lý lịch đủ để loại. Không cần xét năng lực.

Trong logic của chế độ mới: buôn bán là nguy cơ kinh tế, trí thức độc lập là nguy cơ tư tưởng. Đặc biệt luật, kinh tế, xã hội học, nhân văn. Không kiểm soát được thì loại. Thất nghiệp hàng loạt. Không được giảng dạy, không được hành nghề, không được tuyển dụng. Bác sĩ đạp xích lô. Kỹ sư bán thuốc lá. Giáo sư đi kinh tế mới. ***Xã hội cố tình không dùng họ***. Họ quen làm việc bằng luật, quy trình, lý trí. Xã hội mới dựa vào xin-cho, quan hệ, lý lịch. Họ không quen "lách": buôn chui, đầu cơ, móc nối. Vừa không được làm chính, vừa khó làm chui. Họ nhìn thấy vô lý rõ hơn - thấy sai không được nói, biết lãng phí không được sửa. Khủng hoảng nội tâm kéo dài. ***Không đi ngay. Chịu đựng vài năm, hy vọng cải thiện, đợi con lớn***. Đến khi không thấy lối ra, con cái bị chặn tương lai, không chịu nổi nhục nghề - ***ra đi bằng mọi giá.***
Hệ quả dài hạn: đứt gãy truyền thừa trí thức, đại học tụt chất lượng hàng chục năm, tư duy phản biện biến mất, khoa học-luật-nhân văn yếu kéo dài.

Thậm chí nhiều cán bộ cộng sản miền Nam bị sốc. ***Trước 1975, họ nằm vùng trong kinh tế thị trường, đời sống đô thị, thấy buôn bán bình thường, văn hóa Nam Bộ tự nhiên. Sau 1975, quần áo màu sắc là "đồi trụy tư sản", nhạc bolero cải lương là "phản động mềm", lối sống miền Nam phải "uốn nắn".***
Họ bị "Bắc hóa" cưỡng bức: bỏ cách ăn mặc cũ, mặc đúng kiểu cán bộ miền Bắc, nói nghĩ sinh hoạt theo chuẩn mới. Không làm vậy thì bị nghi ngờ lập trường, xếp "***chưa giác ngộ giai cấp***". Đồng hóa cưỡng chế, không phải hòa hợp.

Đời sống trước và sau 1975

- Trước 1975, làm là có ăn. Buôn bán, làm thuê, mở tiệm nhỏ đều sống được. Lao động đổi tiền mặt. Nghèo nhưng có đường thoát. Sau 1975, làm không chắc có ăn. Thu nhập tách khỏi công sức - lương cố định, tem phiếu. Muốn sống phải buôn chui, có quan hệ, dựa chợ đen.

- Trước 1975, gạo thịt đường sữa mua được nếu có tiền. Hàng hóa phong phú. Không cần xin ai để ăn. Sau 1975, tem phiếu quyết định bữa ăn. Thiếu triền miên - gạo mốc, bo bo, khoai sắn. Không tem nghĩa là đói. Miền Nam vốn dư gạo, xuất khẩu. Sau khi nhà nước thu mua cưỡng bức giá thấp, cấm lưu thông tự do, nông dân không muốn bán, giấu lúa. Nhà nước thu không đủ. ***Dân ăn bo bo, khoai, sắn.*** Không phải thiếu gạo. Mà gãy cơ chế phân phối.

- Trước 1975, nhà là tài sản riêng. Mua bán, cho thuê, cầm cố. Sau 1975, nhà bị quản lý, trưng dụng, áp giá thuê. Chủ nhà ở ké trong nhà mình hoặc xin phép sửa. Gia đình có 4-5 căn cho thuê ở Sài Gòn, bị xếp "nhà cho thuê nhiều". Nhà nước quản lý, quy định giá, thu tiền. Kết cục: chủ không được lấy tiền thuê, phải xin sửa nhà, bị chuyển về ở một phòng nhỏ trong chính nhà mình.

- Trước 1975, tin vào tiền, hợp đồng, làm ăn lâu dài. Dám phô tài sản. Sau 1975, tâm lý chủ đạo là sợ, giấu, nghi ngờ. Không ai tin tiền, luật, ngày mai. Xã hội chuyển từ mở sang phòng thủ.

- Trước 1975, con nhà nghèo vẫn có thể học, lên đời bằng nghề. Sau 1975, lý lịch quyết định trường và nghề. Con gia đình "xấu" bị chặn từ đầu. Đóng băng di động xã hội.

- Trước 1975, gian lận là xấu, buôn lậu là phạm pháp. Sau 1975, buôn lậu là để sống, gian dối là tự vệ, trung thực là rủi ro. Chuẩn mực đạo đức đảo ngược.

So sánh với các cuộc cải cách khác

So với Cải cách ruộng đất: CCRĐ 1953-1956 xảy ra ở một số tỉnh miền Bắc, cao trào ngắn, có điểm kết thúc rõ - xin lỗi sửa sai 1956. Hậu 1975 với ***X1-X7 diễn ra toàn miền Nam,*** kéo dài 10-15 năm. Không chỉ mất mạng mà mất nghề, tài sản, tương lai con cái, tan rã xã hội. Thảm họa xã hội diện rộng, không phải chiến dịch đơn lẻ.

Ghê rợn hơn không vì số người chết nhiều hơn. Mà vì: hủy đời sống không chỉ hủy mạng, đánh vào tương lai con cái, làm tan rã ký ức xã hội, kéo dài không có cao trào kết thúc, không có "xin lỗi" để khép lại. Thảm họa âm, thấm sâu, dai dẳng. Cải cách ruộng đất là vết thương đã khâu. Hậu 1975 là vết thương chưa từng được mở băng.

Năm lý do ký ức hậu 1975 mờ hơn:

Một, Cải cách ruộng đất đã được "đóng hồ sơ". Đã thừa nhận sai, xin lỗi, sửa sai. Được kể như "bài học lịch sử đau xót nhưng đã khép lại". Hậu 1975 chưa từng được thừa nhận là sai. Nhiều chính sách chỉ "im lặng bỏ", không hề có tổng kết chính thức. Cái gì chưa khép lại thì không thể cho kể trọn.

Hai, CCRĐ xảy ra khi Đảng còn non. Có thể đổ cho "tả khuynh", "ảnh hưởng Trung Quốc", "thiếu kinh nghiệm". Sau 1975 không còn lý do thoái thác: quyền lực tuyệt đối, kiểm soát toàn bộ đất nước. Nếu thừa nhận sai, thì là sai của người chiến thắng. Rất nguy hiểm về chính danh.

Ba, nạn nhân CCRĐ ở miền Bắc, có thân nhân còn lại, ký ức nằm trong xã hội. Nạn nhân hậu 1975 bị đẩy ra ngoài xã hội, vượt biên, sống ở hải ngoại. Ký ức bị đẩy ra ngoài biên giới ký ức quốc gia.

Bốn, CCRĐ có đấu tố, xử bắn, hình ảnh cụ thể. Hậu 1975 không có cảnh giết tập thể nhưng có đói kéo dài, trại cải tạo, vượt biển chết âm thầm. Bạo lực cấu trúc khó kể hơn bạo lực trực diện.

Năm, nếu kể đúng thì miền Nam không được "giải phóng" mà bị áp đặt mô hình không phù hợp. Người dân không ***nổi dậy mà bỏ chạy***. Toàn bộ biểu tượng chiến thắng bị đảo ngược ý nghĩa.

So với Trung Quốc: Việt Nam và Trung Quốc có cùng logic: quốc hữu hóa, đánh tư sản thành "giai cấp cần xóa", trừng phạt tập thể gia đình và con cái. Nhưng Trung Quốc có lộ trình rõ 1952-56, giữ lại nhiều nhà quản lý làm thuê, quy mô công nghiệp lớn, sau 1978 cho phục hồi hạn chế. ***Việt Nam chồng chéo vá víu, loại bỏ mạnh hơn, kinh tế nhỏ dễ sập, phục hồi rất muộn và có điều kiện lý lịch.***

- X1 so với Thượng Hải 1952: Thượng Hải có chiến dịch "Ngũ phản" ép tư sản "tự thú" nộp tài sản, nhưng nhiều chủ hãng vẫn làm giám đốc kỹ thuật, được lương, bị kiểm soát nhưng còn vai trò. X1 ở Việt Nam: chủ cũ bị loại khỏi quản lý, gắn nhãn "tư sản mại bản", mất cả quyền làm thuê đúng chuyên môn. Trung Quốc thu tài sản giữ người. Việt Nam thu cả tài sản lẫn vai trò. Xí nghiệp Việt Nam sụp nhanh hơn.

- X2 so với Thượng Hải 1955: Thượng Hải chủ cũ giữ cổ phần danh nghĩa, có thu nhập cố định, không bị cấm con học. Mục tiêu chuyển hóa giai cấp không hủy diệt xã hội. X2 Việt Nam: đổi tiền, đánh tư sản lần 2, siết hộ khẩu-lý lịch, không còn "hợp doanh" chỉ còn quốc doanh hóa. Hệ quả: Trung Quốc tư sản im lặng chịu đựng, Việt Nam tư sản bỏ chạy. Thuyền nhân bùng nổ sau X2. Trung Quốc thì không.

- So với Đông Âu: Ba Lan, Tiệp, Hungary có quốc hữu hóa nhưng giữ tầng lớp kỹ sư, bác sĩ, giáo viên, không xét lý lịch 3 đời triệt để. Nhà nước cần nhân lực tái thiết. Việt Nam sau 1975 có trừng phạt kéo dài: cải tạo, lý lịch, cấm nghề, không phân biệt trí thức kỹ trị và cán bộ chính trị. Đông Âu nghèo nhưng không chảy máu nhân lực như Việt Nam.

- So với Đức sau 1945: Đức truy trách nhiệm cá nhân, không trừng phạt con cháu, không xóa nghề nghiệp. Cựu đảng viên Quốc xã vẫn làm kỹ sư, bác sĩ nếu không phạm tội. Ưu tiên phục hồi xã hội nhanh. Việt Nam sau 1975: trách nhiệm mang tính gia tộc, con chịu tội thay cha, mục tiêu ngầm cố định trật tự thắng-thua lâu dài. Đức hòa giải để tái thiết. Việt Nam kéo dài chiến thắng vào đời sống dân sự.

Điểm khác biệt không nằm ở ý thức hệ. Mà ở cách xử lý người thua cuộc.

- Về "xét lý lịch 3 đời"
  Lý do chính thức: đảm bảo an ninh, ngăn "tàn dư chế độ cũ". Thực tế: con chịu trách nhiệm cho cha, cháu chịu trách nhiệm cho ông. Không có khái niệm cá nhân độc lập. Không phải pháp quyền mà trừng phạt tập thể.
  Bản chất sâu hơn: không chỉ để kiểm soát. Mà nhắc bên thua biết vị trí. Cố định trật tự thắng-thua. Biến chiến thắng thành đặc quyền lâu dài. Logic của chiến lợi phẩm chính trị.

- Điểm rẽ 1975-1976

Việt Nam có thể chọn con đường khác ngay sau thống nhất. Lúc đó, Hà Nội biết rất rõ mô hình Trung Quốc 1953-1956: thu tài sản giữ người hợp doanh công tư. Biết Đông Âu sau 1945: quốc hữu hóa có chọn lọc giữ kỹ sư bác sĩ quản trị. Và chính kinh nghiệm miền Bắc: sau Cải cách Ruộng đất đã từng xin lỗi sửa sai phục hồi cán bộ. Không thể nói là không biết hậu quả.
Lãnh đạo Việt Nam thời đó có cố vấn Trung Quốc, Liên Xô, có cán bộ được đào tạo ở nước ngoài, có kinh nghiệm xử lý hậu quả CCRĐ. Họ biết chính xác điều gì sẽ xảy ra nếu đánh vào tầng lớp kinh tế độc lập.
Thay vì truy trách nhiệm cá nhân, phân loại rõ dân sự và quân nhân, giữ người làm việc đổi chủ sở hữu như Trung Quốc, tạo cơ chế hòa giải như Đức - Việt Nam chọn: trừng phạt tập thể, gắn nhãn theo lý lịch, loại bỏ hàng loạt khỏi đời sống kinh tế-xã hội.
Đây là quyết định chính trị có ý thức, không phải sai lầm kỹ thuật. Không phải "không biết", không phải "thiếu kinh nghiệm", không phải "do hoàn cảnh bắt buộc". Đây là lựa chọn có cân nhắc.

Ba lý do chọn con đường cứng:

- Thứ nhất, ám ảnh an ninh sau chiến tranh dài. Sợ "phản loạn mềm". Sợ miền Nam giàu hơn mở hơn kéo ngược hệ tư tưởng. Sợ tầng lớp có tiền có trình độ sẽ thách thức quyền lực. Chọn đập trước, tính sau.

- Thứ hai, tâm thế "chiến thắng tuyệt đối". Không chỉ thắng quân sự mà muốn thắng xã hội-văn hóa-kinh tế. Không chấp nhận tồn tại một tầng lớp "không phải của mình". Muốn biến miền Nam thành bản sao miền Bắc, không phải hòa hợp hai hệ thống.

- Thứ ba, cấu trúc quyền lực miền Bắc. Cán bộ chiến tranh giỏi huy động nhưng không giỏi quản trị thị trường. Giữ trí thức miền Nam là đe dọa vị thế. Loại bỏ người giỏi là cách bảo toàn quyền lực. Nếu để tầng lớp doanh nhân trí thức miền Nam tiếp tục hoạt động, họ sẽ nhanh chóng vượt mặt cán bộ miền Bắc về năng lực quản trị và tạo của cải.

Hệ quả: doanh nhân đứt mạch truyền, trí thức rút lui hoặc bỏ đi, ký ức xã hội bị nén lại thay vì hóa giải. Khi Đổi Mới đến 1986, người đã đi không quay lại, người còn lại thì không còn niềm tin. Đổi Mới thiếu con người, chỉ có cơ chế.

Nếu 1975-1976 Việt Nam chọn con đường Trung Quốc - giữ người thu tài sản cải tạo từ từ - hoặc Đức - truy cứu cá nhân không trừng phạt con cháu - thì không có thuyền nhân hàng loạt, không mất thế hệ trí thức, không cần đợi đến 1986 mới Đổi Mới, có thể phát triển nhanh hơn 10-15 năm.

Điểm rẽ 1975-1976 là cơ hội tốt nhất, có thể nói duy nhất, để hòa giải thật sự. Cơ hội đó không bao giờ quay lại.

Tại sao miền Bắc ít sốc hơn

Miền Bắc đã trải qua cải cách ruộng đất và cải tạo công thương nghiệp từ thập niên 1950. Địa chủ, tư sản bị xóa sạch sớm. Tầng lớp có tài sản không còn để mất. ***Sau 1975 không còn gì để sốc.***

- Kinh tế vốn nghèo và đóng. Không có tầng lớp trung lưu đô thị mạnh, ít tích lũy, ít thị trường, ít tiền mặt. Phần lớn dân sống bằng tem phiếu-bao cấp. Chính sách mới không phá vỡ cấu trúc nào lớn.
- Tâm lý xã hội quen cưỡng chế: quen trưng thu, phân phối, chỉ tiêu, quen "xin-cấp", quen coi tài sản tư nhân tạm bợ và rủi ro. Cú sốc tâm lý thấp hơn miền Nam, nơi tài sản từng được bảo vệ.
- Miền Bắc không có đô thị thương mại độc lập như Sài Gòn. Không có trung tâm tài chính-thương mại tư nhân. Không có mạng lưới kinh doanh gia đình-Hoa kiều. Không có văn hóa pháp lý bảo vệ hợp đồng. Không có "xương sống thị trường" để bị bẻ gãy.

Đổi Mới và hạn chế

Đổi Mới bắt đầu 1986 là mở kinh tế, ***không mở thể chế***.

- Cho buôn bán, cho làm giàu, nhưng không bảo đảm quyền sở hữu tuyệt đối. Doanh nhân không có an toàn dài hạn.
- Tài sản luôn mang tính "được cho": đất không sở hữu chỉ "quyền sử dụng", giấy phép có thể cấp-rút, doanh nghiệp sống nhờ quan hệ. Không ai dám đầu tư dài hạn như doanh nhân thực thụ.
- Doanh nhân Việt Nam giống thương lái kết hợp quan hệ hơn là doanh nhân thực thụ. Giỏi lách luật không giỏi đổi mới. Nhanh chụp giật ít tích lũy công nghệ. Thích bất động sản hơn sản xuất. Không hình thành tư bản công nghiệp đúng nghĩa.
- Nhà nước không chấp nhận quyền lực kinh tế độc lập. Nguyên tắc ngầm: làm giàu được, nhưng không được mạnh hơn nhà nước. Hệ quả: doanh nghiệp lớn phải "đan xen lợi ích", không hình thành gia tộc kinh doanh độc lập.

Ký ức X1-X3 vẫn còn. Gia đình từng bị tịch thu. Vàng tiền từng bị đổi. Nhà từng bị quản lý. Doanh nhân Việt Nam giấu tài sản, tẩu tán ra nước ngoài, không xây dựng di sản dài hạn trong nước.

Tại sao người Hoa nhận ra sớm

- Người Hoa có ký ức từ Cách mạng Văn hóa và quốc hữu hóa ở Trung Quốc thập niên 1950s. Nhận ra mẫu hình lặp lại rất nhanh khi thấy X1. Họ đã thấy vở kịch này ở nơi khác.
- Nhạy cảm với tín hiệu: khi thấy kiểm kê, đổi tiền, đánh tư sản, họ hiểu đây không tạm thời. Có mạng lưới và vốn di động - vàng và người thân ở Hong Kong, Đài Loan, Đông Nam Á. Có đường đi nên đi sớm.
- Không có ảo tưởng chính trị. Không tin "sẽ được dùng" hay "rồi sẽ ổn". Người Hoa không tranh luận đúng-sai. Họ chỉ hỏi: "Ở lại có sống được không?"

Ai được lợi

Đây là phân tích logic dựa cơ chế vận hành, không phải trích dẫn trực tiếp.

- Cán bộ tiếp quản được phân công quản lý tài sản, xí nghiệp, nhà đất của tư sản. Nhiều người không có chuyên môn nhưng nắm quyền quyết định. ***Cơ hội "làm lại cuộc đời" cho tầng lớp mới.***
- Trong xã hội xin-cho, quan hệ với cán bộ trở thành tài sản quan trọng nhất. Ai có người trong hệ thống thì sống qua, không có thì bế tắc.
- Thay vì tư sản cũ, xuất hiện tầng lớp mới có đặc quyền: tem phiếu nhiều hơn, nhà tốt hơn, con học trường tốt, đi nước ngoài. Đặc quyền không dựa năng lực mà vị trí trong hệ thống.
- Hệ thống duy trì lâu vì tạo tầng lớp hưởng lợi đủ lớn, có quyền lực, không muốn thay đổi. Mở cửa kinh tế nghĩa là đe dọa đặc quyền. Đó là lý do phải mất hơn 10 năm mới có Đổi Mới, và khi xảy ra, vẫn giữ nguyên cấu trúc quyền lực chính trị.

Tại sao ký ức này bị xóa

Nếu kể đúng, phải thừa nhận: thắng trận quân sự nhưng thua trận đời sống, ***dân bỏ đi hàng triệu.*** Mâu thuẫn trực diện với tính chính danh. Câu chuyện "giải phóng miền Nam" sụp nếu phải thừa nhận người dân miền Nam chạy trốn khỏi sự "giải phóng" đó.

Không thể gọi thuyền nhân "phản động" vì họ là phụ nữ, trẻ em, người buôn nhỏ, không tổ chức, không đấu tranh. Không có nhãn tuyên truyền phù hợp. Không thể gọi bà bán vải nhỏ ở chợ Tân Định là "phản động nguy hiểm". Không thể gọi gia đình 5 người trên ghe gỗ là "tổ chức lật đổ".

Im lặng trở thành giải pháp chính trị an toàn nhất. Không xin lỗi, không giải trình, không mở tranh luận. Lịch sử bị bỏ trống một đoạn rất dài.

Cơ chế gán nhãn: Việc gán nhãn "phe thua chạy" không phải nhầm lẫn mà là chiến lược bảo vệ câu chuyện thắng cuộc. Đóng khung họ thành "người của chế độ cũ". Gọi chung "ngụy quân ngụy quyền" "tàn dư". Không phân biệt dân buôn giáo viên bác sĩ trẻ em. ***Biến nạn nhân xã hội thành kẻ thua cuộc chính trị.***

Đánh tráo thời điểm. Gộp tất cả vào mốc 1975. Cố tình bỏ qua 1978-1982 đỉnh thuyền nhân và 1985-1990 đổi tiền đói hộ khẩu. Che đi mối ***quan hệ nhân-quả giữa chính sách sau giải phóng và làn sóng di cư.***

Đạo đức hóa sự ra đi: "*đất nước khó khăn thì phải ở lại gánh vác*". Nhưng khó khăn do ai tạo ra và ai bị cấm gánh vác? Đây là đổ lỗi cho nạn nhân.

Cấu trúc quyền lực ký ức: Người Bắc trong hệ thống quen tổ chức, kỷ luật, đấu tranh diễn ngôn. Có báo chí, văn nghệ, lý luận. Cải cách ruộng đất được kể lại theo khung của bên thắng nhưng vẫn phải kể.

Người Nam sau 1975 bị giải thể xã hội dân sự, cắt mạng lưới, kiểm soát phát ngôn. Không còn báo, nhà xuất bản, diễn đàn công khai. Không có công cụ để biến ký ức thành câu chuyện tập thể.

Người Nam hải ngoại đông nhưng không tạo được hệ thống ký ức thống nhất vì đây là di cư sinh tồn, không phải di cư chính trị có tổ chức. Đi lẻ tẻ, gia đình tan tác, ưu tiên sống sót và làm lại. Không có "Bộ lưu trữ ký ức" ngay từ đầu.

Nạn nhân CCRĐ trong nước, không bị coi phản quốc, buộc phải sửa sai, ký ức được "quản lý". Nạn nhân hậu 1975 ở ngoài nước, bị gán nhãn thua trận, chưa từng thừa nhận, ký ức bị "xóa khỏi quốc gia".

Truyền dữ liệu qua thế hệ: Giai đoạn 1975-1985 không được ghi chép chính thức. Không có hồ sơ mở. Không có sách giáo khoa. Ký ức tồn tại chủ yếu qua lời kể trong gia đình, hồi ký cá nhân, và cộng đồng hải ngoại.

Khi người kể mất, dữ liệu cũng mất theo. Vì không có "bản lưu quốc gia". Đây là lịch sử truyền miệng bị cắt mạch.

Khác với CCRĐ có thừa nhận, có tổng kết, có văn bản. Ký ức được "đóng gói" dù méo mó. ***Hậu 1975 không tổng kết, không văn bản, không xin lỗi***. Ký ức không được đóng gói, chỉ bị xóa dần theo sinh học.

Lịch sử bị xóa bằng cách không ghi. Không có chương "1975-1985" đúng nghĩa. Nhảy cóc từ "Giải phóng" sang "Khó khăn chung" sang "Đổi Mới". Nguyên nhân xã hội biến mất. Chỉ còn kết quả mơ hồ.

Viết lại bằng đánh tráo nguyên nhân: đói là do cấm vận, di cư là do phản động kích động, thuyền nhân là do "nghe lời xấu". Chính sách nội tại biến mất khỏi chuỗi nhân-quả.

Vai trò người "xuất thân trong nước": Bùi Tín, Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Chí Thiện không phải ngoại lệ về nhận thức. Họ không phải "đột nhiên tỉnh ngộ". Họ là phần nổi của một lớp người hiểu rất rõ vấn đề, nhưng đa số im lặng. Họ được tin hơn vì logic quyền lực, không phải đạo đức. Họ từng ở trong hệ thống, từng hưởng đặc quyền, từng "được phía thắng". Khi họ lên tiếng, không thể quy chụp thua chạy, không thể gán "tâm lý hằn thù". Lời họ phá được lớp phòng vệ tuyên truyền.

Khi một người trong nước nói ra, họ mất: toàn bộ sự nghiệp, hộ khẩu và quyền cư trú, khả năng sống bình thường, an toàn của gia đình. Không có "về hưu yên ổn". Không có "lưu vong êm ái". Đây là quyết định đánh đổi cả đời, không phải lựa chọn phát ngôn.

Số đông còn lại chọn im lặng vì: trách nhiệm gia đình với con cái và cha mẹ già, ký ức về trừng phạt qua CCRĐ chỉnh huấn cải tạo, biết rõ nói ra không thay đổi được gì ngay. Im lặng là chiến lược sinh tồn, không phải đồng lõa.

"Bên Thắng Cuộc" và "Đêm Giữa Ban Ngày": Hai tác phẩm hiếm hoi chạm được sự thật cấu trúc.

- "Bên Thắng Cuộc" đánh trúng điểm cấm: hậu quả của người thắng. Không kể chiến tranh, không kể Mỹ. Mà kể cách tiếp quản, cách loại người, cách làm sập đời sống. Vùng không được phép có tự sự

độc lập. Nó tước "đạo đức chiến thắng". Thông điệp ngầm: thắng trận không bằng đúng trong quản trị xã hội. Không thể phản biện bằng khẩu hiệu, không thể bác bằng "thế lực thù địch". Cách duy nhất là không cho phổ biến.

Cơ chế vô hiệu hóa không cần cấm công khai: không in-không tái bản, không nhắc trên báo chí, không đưa vào thảo luận học thuật, gắn nhãn mơ hồ "nhạy cảm" hoặc "thiếu khách quan". Sau một hai thế hệ, sách tự biến mất khỏi trí nhớ xã hội.

Hệ quả kéo dài

Chảy máu người giỏi ra nước ngoài. Không chỉ mất người mà mất kinh nghiệm quản trị, công nghệ, mạng lưới kinh doanh quốc tế. Hàng triệu người Việt rời đất nước 1975-1990s, tạo cộng đồng hải ngoại hiện khoảng 4-5 triệu người. Không thể thay thế trong một thế hệ.

Đứt gãy ký ức lịch sử trong nước. Thế hệ sau không được nghe câu chuyện đầy đủ. Ký ức cắt đứt giữa thế hệ ông bà và cháu. Thanh niên không hiểu vì sao có cộng đồng hàng triệu người Việt ở nước ngoài. Câu chuyện về họ bị kể thiếu hoặc sai. Dễ coi họ "phản động lưu vong" thay vì nạn nhân chính sách.

Chưa từng có hòa giải thật. Chưa từng có lời xin lỗi, chưa có đối thoại thực chất. Gia đình tan hai nửa biên giới vẫn mang nỗi đau không được thừa nhận.

Văn hóa sợ hãi và giấu giếm ăn sâu. Doanh nhân học giấu tài sản, không dám lớn mạnh. Trí thức học im lặng, không phản biện. Xã hội mất khả năng tự sửa sai.

Bình An